



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
Số: ~~AZ~~/TBHH-TCTBĐATHHMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày ~~30~~ tháng 5 năm 2024

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải Vũng Tàu-Thị Vải

VTU - 23 - 2023

Vùng biển: Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Tên luồng: Luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải

Căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu từ VT-TV_2405_01 đến VT-TV_2405_13, tỷ lệ 1/5000 đo đạc hoàn thành tháng 5/2024, các số liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải như sau:

Trong phạm vi tuyến luồng hàng hải được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ”:

1. Đoạn luồng từ phao BHHH số “0” đến hạ lưu Bến cảng Xăng dầu Petec Cái Mép có chiều dài 30,6 km

1.1 Trong phạm vi thiết kế đáy luồng hàng hải chiều rộng luồng nhỏ nhất 310 m đã được công bố

- Xuất hiện điểm độ sâu 13,5 m; 13,9 m; 13,8 m; 13,8 m; 13,9 m; 13,6 m; 13,7 m; 13,7 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
13,5	10°17'31,1" N	107°04'41,8" E	10°17'27,4" N	107°04'48,2" E
13,9	10°25'45,8" N	107°00'53,8" E	10°25'42,1" N	107°01'00,2" E
13,8	10°27'29,3" N	106°59'45,1" E	10°27'25,6" N	106°59'51,5" E
13,8	10°31'37,3" N	107°00'47,4" E	10°31'33,6" N	107°00'53,8" E
13,9	10°31'39,6" N	107°00'52,0" E	10°31'35,9" N	107°00'58,4" E
13,6	10°31'40,9" N	107°00'52,7" E	10°31'37,2" N	107°00'59,1" E
13,7	10°31'45,0" N	107°00'54,3" E	10°31'41,4" N	107°01'00,8" E
13,7	10°31'49,2" N	107°00'57,1" E	10°31'45,5" N	107°01'03,6" E

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng, kéo dài từ phao BHHH số “5” – 750 m đến phao BHHH số “5” + 850 m, chiều dài khoảng 1,6 km, lần luồng xa nhất khoảng 30 m, độ sâu đạt 11,8 m nằm sát biên luồng.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 14,0 m.

1.2 Trong phạm vi thiết kế đáy luồng hàng hải chiều rộng luồng 350 m (Đoạn luồng hàng hải Cái Mép – Thị Vải thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng

cấp tuyến luồng Cái Mép – Thị Vải từ phao số “0” vào khu bến cảng công ten nơ Cái Mép)

- Xuất hiện điểm độ sâu 11,8 m; 13,5 m; 13,5 m; 13,6 m; 13,9 m; 13,9 m; 13,4 m; 13,8 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
11,8	10°17'31,7" N	107°04'42,1" E	10°17'28,0" N	107°04'48,6" E
13,5	10°17'31,1" N	107°04'41,8" E	10°17'27,4" N	107°04'48,2" E
13,5	10°19'51,0" N	107°03'12,1" E	10°19'47,3" N	107°03'18,5" E
13,6	10°19'50,7" N	107°03'00,2" E	10°19'47,0" N	107°03'06,6" E
13,9	10°19'50,4" N	107°02'59,4" E	10°19'46,7" N	107°03'05,8" E
13,9	10°25'45,8" N	107°00'53,8" E	10°25'42,1" N	107°01'00,3" E
13,4	10°27'03,8" N	106°59'39,2" E	10°27'00,1" N	106°59'45,6" E
13,8	10°27'29,3" N	106°59'45,1" E	10°27'25,6" N	106°59'51,4" E

Ngoài các điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 14,0 m, độ sâu tại tim luồng đạt 14,6 m.

+ Trong phạm vi khảo sát vùng quay trở tàu tại ngã ba sông Thêu (hạ lưu cảng SSIT) được giới hạn bởi đường tròn đường kính D = 700 m, tâm O1 tại vị trí có tọa độ:

Tâm vùng quay trở tàu	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
O1	10°30'25.97"N	106°59'56.61"E	10°30'22.30"N	107°0'3.04"E

- Độ sâu đạt 16,3 m.

+ Trong phạm vi khảo sát vùng quay trở tàu ngã ba sông Gò Gia được giới hạn bởi đường tròn đường kính D = 600 m, tâm O2 tại vị trí có tọa độ:

Tâm vùng quay trở tàu	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
O2	10°31'24.19"N	107°0'38.94"E	10°31'20.52"N	107°0'45.36"E

- Độ sâu đạt 15,6 m.

2. Đoạn luồng từ hạ lưu Bến cảng Xăng dầu Petec Cái Mép đến thượng lưu Bến cảng Tổng hợp Thị Vải (ODA) có chiều dài 7,5 km

2.1 Trong phạm vi thiết kế đáy luồng hàng hải chiều rộng luồng 310 m đã được công bố

- Xuất hiện điểm độ sâu 11,4 m; 11,7 m; 11,6 m; 11,8 m; 11,6 m; 11,9 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
11,4	10°32'45,1" N	107°01'06,7" E	10°32'41,4" N	107°01'13,1" E
11,7	10°32'44,3" N	107°01'06,3" E	10°32'40,6" N	107°01'12,7" E
11,6	10°33'05,7" N	107°00'44,1" E	10°33'02,0" N	107°00'50,6" E
11,8	10°33'28,2" N	107°00'36,2" E	10°33'24,5" N	107°00'42,6" E

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
11,6	10°33'31,3" N	107°00'36,3" E	10°33'27,6" N	107°00'42,8" E
11,9	10°34'15,1" N	107°00'55,4" E	10°34'11,4" N	107°01'01,8" E

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số "35" + 400 m đến phao BHHH số "37" + 150 m, chiều dài khoảng 950 m, lần luồng xa nhất 40 m, độ sâu đạt 8,0 m, nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số "42" – 450 m đến phao BHHH số "44", chiều dài khoảng 1,1 km, lần luồng xa nhất 135 m, độ sâu đạt 6,9 m nằm sát biên luồng.

- Trong phạm vi vùng quay trở tàu được giới hạn bởi đường tròn có đường kính D = 500 m (tại khu nước phía trước nhà máy đóng tàu Ba Son), độ sâu đạt 13,7 m.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 12,0 m.

2.2 Trong phạm vi thiết kế đáy luồng hàng hải rộng 250 m ÷ 350 m (Đoạn luồng từ thượng lưu bến cảng CMIT đến bến cảng Tân cảng Cái Mép (TCIT và TCCT) thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp tuyến luồng Cái Mép – Thị Vải), chiều dài 3,2 km

- Xuất hiện điểm độ sâu 13,8 m; 13,9 m; 13,6 m; 13,7 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
13,8	10°31'37,3" N	107°00'47,4" E	10°31'33,6" N	107°00'53,8" E
13,9	10°31'39,6" N	107°00'52,0" E	10°31'35,9" N	107°00'58,4" E
13,6	10°31'40,9" N	107°00'52,7" E	10°31'37,2" N	107°00'59,1" E
13,7	10°31'45,0" N	107°00'54,3" E	10°31'41,4" N	107°01'00,8" E

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số "26A" – 210 m đến phao BHHH số "26A" – 190 m, chiều dài khoảng 810 m, độ sâu đạt 13,4 m, độ sâu tại tim luồng đạt 14,0 m.

Ngoài các điểm độ sâu và dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 14,0 m.

3. Đoạn luồng từ thượng lưu Bến cảng Tổng hợp Thị Vải (ODA) đến thượng lưu Bến cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV) có chiều dài 2,8 km, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 220 m

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số "44" đến phao BHHH số "46", chiều dài khoảng 390 m, lần luồng xa nhất 70 m, độ sâu đạt 6,0 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số "46" + 150 m đến phao BHHH số "48", chiều dài khoảng 550 m, lần luồng xa nhất 31 m, độ sâu đạt 7,9 m.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “48”+1100 m đến thượng lưu Bến cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV), chiều dài khoảng 410 m, lần luồng xa nhất 20 m, độ sâu đạt 8,0 m.

Ngoài các dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 12,0 m.

4. Đoạn luồng từ thượng lưu Bến cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV) đến hết vũng quay trở tàu phía thượng lưu Bến cảng Vedan Phước Thái có chiều dài 9,6 km, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 90 m

- Xuất hiện điểm độ sâu 7,0 m; 6,7 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
7,0	10°38'46,4" N	107°00'38,1" E	10°39'44,3" N	107°00'44,4" E
6,7	10°39'41,9" N	107°00'43,1" E	10°40'08,1" N	107°00'49,4" E

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “66” – 250 m đến phao BHHH số “66” + 100 m, chiều dài khoảng 350 m, độ sâu đạt 5,6 m, độ sâu tại tim luồng đạt 7,2 m.

- Trong phạm vi vũng quay trở tàu được giới hạn bởi đường tròn có đường kính D = 250 m (tại khu nước phía thượng lưu bến cảng Vedan Phước Thái), độ sâu đạt 5,5 m.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 7,2 m.

5. Đoạn luồng từ vũng quay trở tàu rộng 250 m về phía thượng lưu có chiều dài 3,5 km, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 90 m, tuyến luồng tận dụng độ sâu tự nhiên có tọa độ tim tuyến xác định theo bảng sau:

Tim tuyến	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
T1	10°39'50,5" N	107°00'17,7" E	10°39'46,8" N	107°00'24,2" E
T2	10°39'56,5" N	107°00'03,5" E	10°39'52,8" N	107°00'09,9" E
T3	10°40'03,8" N	106°59'56,3" E	10°40'00,1" N	107°00'02,7" E
T4	10°40'18,5" N	106°59'50,5" E	10°40'14,8" N	106°59'56,9" E
T5	10°40'18,5" N	106°59'42,2" E	10°40'14,8" N	106°59'48,7" E
T6	10°40'06,9" N	106°59'34,4" E	10°40'03,2" N	106°59'40,8" E
T7	10°40'07,3" N	106°59'25,3" E	10°40'03,7" N	106°59'31,8" E
T8	10°40'15,5" N	106°59'22,3" E	10°40'11,8" N	106°59'28,8" E

- Xuất hiện điểm độ sâu 6,5 m; 6,5 m; 6,1 m; 4,0 m; 4,1 m; 5,2 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
6,5	10°39'44,3" N	107°00'35,3" E	10°39'40,6" N	107°00'41,6" E
6,5	10°40'08,1" N	106°59'53,4" E	10°40'04,5" N	106°59'59,8" E

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
6,1	10°40'19,2" N	106°59'41,8" E	10°40'15,6" N	106°59'48,2" E
4,0	10°40'07,0" N	106°59'24,2" E	10°40'03,4" N	106°59'30,5" E
4,1	10°40'08,2" N	106°59'23,4" E	10°40'04,6" N	106°59'29,7" E
5,2	10°40'09,0" N	106°59'23,8" E	10°40'05,4" N	106°59'30,4" E

Ngoài các điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 6,6 m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI:

Tàu thuyền hành hải trên luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu để có biện pháp hàng hải an toàn. Lưu ý điểm độ sâu, dải điểm độ sâu và tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ hàng hải Vũng Tàu, Cảng vụ hàng hải Đồng Nai để đảm bảo an toàn hàng hải.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu;
- Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai;
- Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX;
- Cty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KT-KH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu: VT-VP, P. ATHH_{Hòa}.

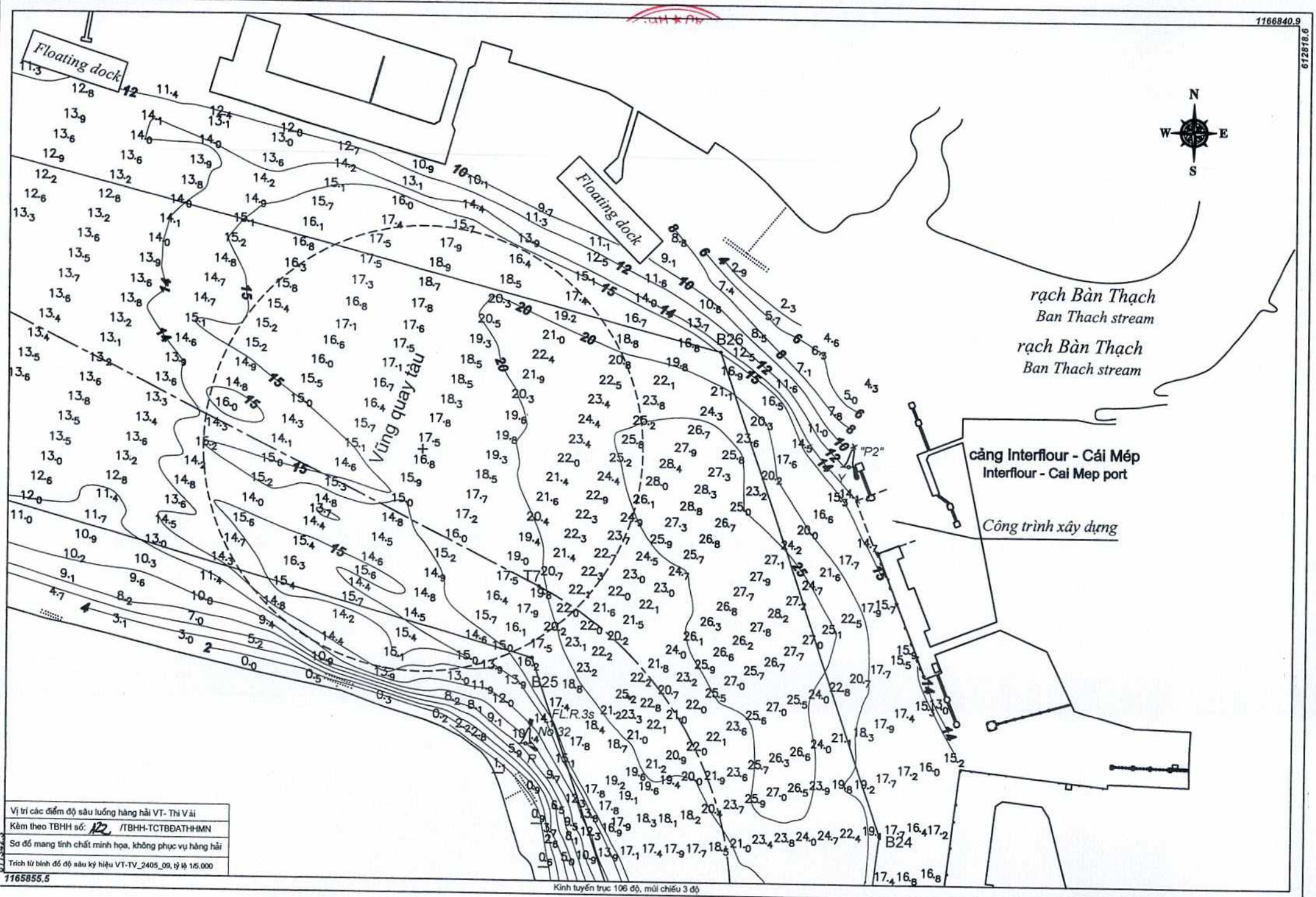
**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Tuấn Anh

Danh sách nơi nhận kèm theo

- Bộ Tư lệnh Hải quân
- Bộ Tư lệnh Cảng sát Biển
- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - Liên danh Việt - Nga Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans)
 - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm Ứng phó Sự cố tràn dầu khu vực miền Nam
- Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)
- Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO
- Công ty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)
 - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế
 - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang
 - Cty Vận tải Biển Bắc
- Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn)
- Cty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
- Cty vận tải & cung ứng xăng dầu đường biển
- Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip)
- Cty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOSCO)
- Cty CP Vận tải biển VINASHIP
- CN1 - Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- Trường Đại học GTVT TP.HCM
- Trường Cao đẳng hàng hải II
- Cty CP Cảng Sài Gòn
- Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- Cty Phương Nam - Bộ Quốc phòng
- Bộ đội Biên phòng tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
- Bộ đội Biên phòng tỉnh Đồng Nai
- Đài thông tin Duyên hải Vũng Tàu
- Phòng CSGT đường thủy tỉnh BR-VT
- Sở GTVT, Sở NN&PTNN các tỉnh
 - Bà Rịa - Vũng Tàu
 - Đồng Nai
- Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ
- Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam



Vị trí các điểm đo sâu luồng hàng hải VT - Thị Vải
 Kèm theo TBHH số: 122 /TBHH-TCTBDATHHVN
 Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
 Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu VT-TV_2405_09, tỷ lệ 1:5.000
 1165855.5